

Quan hệ cha mẹ với con ở tuổi vị thành niên

Trần Thị Vân Anh & Hà Thị Minh Khương

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, bài viết xem xét mối quan hệ cha mẹ và con ở tuổi vị thành niên ở ba khía cạnh: vai trò của cha mẹ trong đời sống tình cảm của con khi buồn, vui và khi bất đồng với cha mẹ; cha mẹ và quan hệ bạn bè của con; suy nghĩ của con về quan hệ với cha mẹ. Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy khi có chuyện buồn, vui cũng như khi có chuyện bất đồng với cha mẹ, con cái luôn chọn bạn để tâm sự. Cha và mẹ cũng được con cái lựa chọn song họ có vai trò khác nhau. Người mẹ có vị trí quan trọng, chỉ sau bạn bè khi con có chuyện buồn. Người cha, do nhiều lý do, hầu như không được con cái lựa chọn. Tương tự, bạn bè vẫn là đối tượng chính để con cái thường tâm sự về chuyện yêu đương. Ở gia đình thành thị, có mức sống cao, người mẹ hơn thường là người được con chọn để tâm sự.

Từ khóa: Quan hệ cha mẹ - con cái; Vị thành niên; Gia đình.

1. Giới thiệu

Quan hệ giữa cha mẹ và con cái là quan hệ tương tác giữa hai nhóm cá nhân trong gia đình. Hai nhóm này được đặc trưng bởi sự khoảng cách rõ rệt về vị thế, tiếng nói và quyền quyết định các vấn đề của gia đình. Trong gia đình, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái được coi có vị trí trung tâm

và ý nghĩa đặc biệt, thể hiện trên tất cả các mặt của đời sống gia đình, bao gồm tinh thần, vật chất, tâm lý, tình cảm, v.v..

Tương quan giữa cha mẹ và con cái về tiếng nói và việc ra quyết định thể hiện một trong những đặc điểm cơ bản của gia đình, ở phương Tây cũng như phương Đông, đó là sự biến đổi liên tục và đa dạng của các mức độ kết hợp giữa hai thái cực gia trưởng và dân chủ trong gia đình. Trên thực tế, mối quan hệ cha mẹ con cái nói chung cũng như đối với từng vấn đề cụ thể diễn ra như thế nào, cha mẹ hoặc con cái có tiếng nói và quyền quyết định đến đâu phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Hiểu rõ thực trạng và các yếu tố chi phối mối quan hệ này là điều cần thiết đối với các nhà làm chính sách cũng như đối với cha mẹ và con cái.

Về phía các nhà hoạch định chính sách, thông tin về mối quan hệ cha mẹ và con cái trong gia đình hiện nay cho phép họ tìm ra các phương án tác động và ứng xử chính sách phù hợp để xây dựng và điều chỉnh quan hệ cha mẹ con cái theo hướng mong muốn. Về phía cha mẹ có thể trên cơ sở này mà đáp ứng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng của con cái và cân bằng tốt hơn các mối quan tâm và kỳ vọng đối với con. Điều này cũng giúp ích cho việc xây dựng gia đình Việt Nam theo mục tiêu bình đẳng và tiến bộ.

Trẻ em là đối tượng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Các nghiên cứu chuyên sâu về trẻ em trong thời gian qua được tiếp cận từ nhiều góc độ như xã hội học, tâm lý học, luật học... Phần lớn các nghiên cứu xem xét thực trạng và thái độ/nhận thức của các bậc cha mẹ và xã hội trong trách nhiệm chăm sóc, giáo dục trẻ em. Một số nghiên cứu khác lại quan tâm đến việc xem xét mối quan hệ cha mẹ - con cái từ khía cạnh như xung đột cha mẹ với con cái, tâm lý của trẻ em, phương pháp giáo dục v.v... (Lê Thi, 1998; Trịnh Hoà Bình, 2005; Phạm Thanh Vân, 1998; Mai Thị Việt Thắng, 2002). Cụ thể nghiên cứu của Phạm Thanh Vân (1998) chỉ ra quan điểm giáo dục không đúng đắn thường dẫn đến xung đột giữa phương pháp giáo dục của gia đình với nhà trường, hoặc sự đối lập trong cách giáo dục giữa cha và mẹ, hoặc sử dụng phương pháp giáo dục trẻ bằng việc đánh đập và hành hạ. Nguyễn Đức Mạnh (2004) cũng chỉ ra quy tắc đánh giá và cư xử theo những chuẩn mực phổ quát trong giáo dục con cái. Cha mẹ cần chăm sóc và giáo dục con cái

không chỉ theo đặc thù gia đình và mà cả những tiêu chuẩn phổ quát là điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển các phẩm chất và nhân cách tốt.

Một số nghiên cứu khác nhấn mạnh tới yếu tố tác động của bối cảnh toàn cầu hoá, công nghiệp hoá và hiện đại hoá, việc chăm sóc, giáo dục trẻ em hoàn toàn khác với trước đây, môi trường và điều kiện sống cũng như những kỳ vọng đối với trẻ em cũng thay đổi gắn liền với quyền trẻ em, đồng thời đòi hỏi thế hệ trẻ cần có những phẩm chất, kỹ năng và năng lực khác với xã hội nông nghiệp truyền thống (Lê Ngọc Văn, 2003:18). Hàng loạt các vấn đề vi phạm quyền trẻ em nảy sinh như trẻ em bị buôn bán, bị xâm hại tình dục, bị ngược đãi, bị bạo lực, bị lạm dụng lao động, trẻ em tham gia các hoạt động vũ trang, tội phạm trẻ em, trẻ em bị nghiện ma túy, mắc HIV và AIDS,... được các nhà nghiên cứu tập trung phân tích, đồng thời, nhấn mạnh đến các quyền không được thực hiện đầy đủ hoặc bị xao nhãng ở các nước đang phát triển như quyền được học hành và vui chơi giải trí, vai trò của gia đình trong việc phòng chống tệ nạn xã hội, vấn đề sức khoẻ sinh sản... (Save and children, 1997; Đoàn Kim Thắng, 2002; Nguyễn Linh Khiếu, 2002; Đặng Bích Thủy, 2006, Nguyễn Hữu Minh, 2006). Trẻ em tham gia lao động gia đình và lao động kiếm sống cũng là một trong những nguyên nhân cản trở việc thực hiện các quyền trẻ em như hạn chế cơ hội học tập, chăm sóc, vui chơi giải trí và sức khoẻ.

Các nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em đều đưa ra các khuyến cáo về các hậu quả xấu về mặt thể lực, tâm lý, xã hội lâu dài, không chỉ đối với sự phát triển của trẻ mà còn đối với an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của quốc gia. Các hậu quả về mặt tâm lý như là bản sao của cha mẹ, có tính cách đặc biệt như rụt rè, thiếu tự tin, lo sợ; xu hướng rời xa gia đình, dễ dàng tiếp thu các ảnh hưởng tiêu cực của xã hội hoặc trở thành những nạn nhân của tệ nạn xã hội. Một hậu quả khác là hiện tượng tự tử trong thanh thiếu niên mà nguyên nhân là “mâu thuẫn cha mẹ - con cái” về quan điểm sống giữa hai thế hệ và cách giáo dục con cái của cha mẹ. Các nghiên cứu cũng thừa nhận rằng việc cha mẹ đánh mắng, chửi đối với trẻ vẫn còn phổ biến ở cả nông thôn và thành thị và được coi là cách giáo dục hiệu quả (Hoàng Gia Trang, 2002: 40; Lê Thị Quý, 1999, 2003:43).

Nghiên cứu này dựa trên việc phân tích dữ liệu từ cuộc điều tra gia đình

Việt Nam năm 2006 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới và UNICEF phối hợp thực hiện. Số liệu được sử dụng để phân tích là những thông tin thu được qua phỏng vấn vị thành niên ở độ tuổi 15-17 với những câu hỏi dành riêng cho nhóm tuổi này từ cuộc điều tra gia đình Việt Nam. Mỗi quan hệ cha mẹ và con cái được phân tích từ góc nhìn và quan điểm của vị thành niên chứ không phải từ quan điểm của cha mẹ. Trong tổng số 9300 hộ gia đình khảo sát có 2479 hộ trả lời về một số thông tin của vị thành niên từ 15-17 tuổi, trong đó số có cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi là 2291, đây là tổng mẫu để phân tích.

Bài viết trình bày tình hình thực tế của mối quan hệ cha mẹ và con cái tập trung vào hai khía cạnh, thứ nhất là cha mẹ trong đời sống tình cảm của con và thứ hai là cha mẹ và quan hệ bạn bè của con.

Các biến phụ thuộc được sử dụng dựa trên chỉ báo vị thành niên thường trò chuyện/tâm sự về/với ai nhất khi gặp chuyện buồn, chuyện vui, bất đồng với cha/ mẹ và trong quan hệ bạn bè. Suy nghĩ của con về cha mẹ sẽ sử dụng quan niệm của thanh thiếu niên về các nhận định như: con cháu luôn phải tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi; cha mẹ hy sinh tất cả cho con cái.

Để phân tích các yếu tố tác động đến quan hệ cha mẹ và con cái, các biến độc lập sau đã được sử dụng như sau: kinh tế gia đình tính theo 5 nhóm thu nhập; khu vực; vùng, học vấn cha/mẹ; nghề nghiệp cha/mẹ; kiểu loại gia đình; giới tính của vị thành niên.

2. Cha mẹ trong đời sống tình cảm của con

Dữ liệu từ hai câu hỏi sau của bảng hỏi điều tra gia đình đã được sử dụng để phân tích: (1) Trong 12 tháng qua, bạn thường trò chuyện/tâm sự với ai nhất khi có chuyện buồn? và (2) Trong 12 tháng qua, bạn thường trò chuyện/tâm sự với ai nhất khi có bất đồng với cha/mẹ? Tất nhiên, chỉ hai câu hỏi này chưa đủ để nói lên suy nghĩ và đánh giá về vị trí của cha mẹ trong đời sống tình cảm của con. Ở đây cần những dữ liệu đầy đủ hơn, nói lên không chỉ suy nghĩ mà cả thái độ và tình cảm của con đối với cha mẹ. Tuy nhiên, hai câu hỏi này đặt ra hai tình huống cụ thể để qua đó giúp các bậc cha mẹ có thông tin để giải đáp những thắc mắc mà họ thường tự đặt

Bảng 1. Đối tượng mà VTN (trai và gái) tâm sự khi có chuyện buồn

Đối tượng trò chuyện	Em trai		Em gái		Chung	
	N	%	N	%	N	%
Cha	41	3,8	14	1,3	55	2,6
Mẹ	237	21,8	343	32,1	580	26,9
Người thân trong gia đình	126	11,6	141	13,2	267	12,4
Bạn bè	518	47,7	502	47,0	1020	47,3
Không trò chuyện	165	15,2	69	6,5	234	10,9
Tổng	1097	100	1069	100	2156	100,0

ra. Một là ai là đối tượng mà con cái tin tưởng trút bầu tâm sự trong những lúc chúng thực sự cần giúp đỡ qua trao đổi, trò chuyện? Hai là cha mẹ có được con cái lựa chọn không và nếu được chọn thì họ ở vị trí nào so với những đối tượng khác? Ba là ở những gia đình khác nhau thì lựa chọn của con cái khác nhau như thế nào?

Kết quả cho thấy, nhìn chung, có nhiều đối tượng khác nhau được con cái chọn để tâm sự khi có chuyện buồn, trong đó cha và mẹ ở vị trí rất khác nhau. Bảng 1 cho thấy, được lựa chọn nhiều nhất là bạn bè, với tỷ lệ 47,3%, tiếp đến là mẹ 26,9%, thứ ba là người thân trong gia đình, gồm anh, chị em, ông bà 12,4% và cuối cùng là cha 2,6%. Giữa con trai và con gái không có sự khác biệt về việc chọn bạn bè làm đối tượng tâm sự nhưng lại có sự khác biệt khá rõ về việc tâm sự với cha hoặc mẹ. Trong khi có 21,8% em nam tâm sự với mẹ, thì có tới 32,1% em gái làm như vậy. Ngược lại, trong khi có 3,8% em nam tâm sự với cha, thì chỉ có 1,3% em gái làm vậy.

Tại sao người cha ở vị trí cuối cùng với tỷ lệ lựa chọn thấp hơn nhiều so với những đối tượng khác, kể cả những người thân khác trong gia đình? Câu trả lời có thể nằm ở khuôn mẫu tính cách và đặc điểm vai trò giới của đàn ông được xã hội gán cho và được nhiều người cha tiếp nhận một cách triệt để. Từ đó, người cha có thể thiếu thời gian nhưng đồng thời thiếu sự quan tâm, thiếu kỹ năng, thiếu sự kiên nhẫn trước các nhu cầu tình cảm

Bảng 2. Đối tượng mà VTN (trai và gái) tâm sự khi có bất đồng với cha mẹ

Đối tượng trò chuyện	Em trai		Em gái		Chung	
	N	%	N	%	N	%
Cha	41	3,8	14	1,3	55	2,6
Mẹ	237	21,8	343	32,1	580	26,9
Người thân trong gia đình	126	11,6	141	13,2	267	12,4
Bạn bè	518	47,7	502	47,0	1020	47,3
Không trò chuyện	165	15,2	69	6,5	234	10,9
Tổng	1097	100	1069	100	2156	100,0

của con... Tuy nhiên, để lý giải vấn đề này một cách cụ thể và thấu đáo hơn thì cần bổ sung các tư liệu định tính.

Điều đáng chú ý là có 10,9% các em vị thành niên, trong đó 15,2% nam và 6,5% nữ cho biết chúng không trò chuyện với ai. Điều này có thể do bản thân các em không có nhu cầu trò chuyện hoặc có nhu cầu nhưng không tìm được người thích hợp để trò chuyện. Rõ ràng trường hợp thứ hai gọi ra cho người lớn, gồm cả cha mẹ, đặc biệt là người cha những điều cần suy nghĩ. Làm thế nào để giúp con cái, đặc biệt là con trai ở tuổi vị thành niên được lắng nghe và được giải tỏa khi các em có chuyện buồn là nhu cầu quan trọng cần được đặc biệt quan tâm, nhất là đối với vị thành niên.

Trong trường hợp có bất đồng với cha mẹ, việc chọn đối tượng tâm sự đã thay đổi đáng kể đối với cha và mẹ. Bảng 2 cho thấy người được lựa chọn nhiều nhất lúc này vẫn tiếp tục là bạn bè, với tỷ lệ 41,6%, còn người thân trong gia đình là 29,1%, trong khi tỷ lệ lựa chọn cha mẹ giảm xuống, còn tương ứng là 1% và 3,8%. Tỷ lệ em gái chọn bạn bè để nói chuyện cao hơn hẳn so với em trai, tương ứng là 48,3% và 34,8%. Đáng chú ý là tỷ lệ chọn phương án không trò chuyện khá cao, 24,5%, trong đó em trai là 30,2% và em gái là 18,9%. Sự khác biệt về giới tính ở đây ý nghĩa thống kê, với giá trị $P=0.000$. Điều này cho thấy trong khi em gái có xu hướng tâm sự với bạn bè về bất đồng với cha mẹ thì em trai có xu hướng giữ im lặng cao hơn.

Bảng 3. Đối tượng VTN tâm sự khi có chuyện buồn theo học vấn của cha mẹ (%)

	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cao đẳng- Đại học	Chung
Cha	2,9	3,1	1,8	2,7	4,2	2,6
Mẹ	22,1	25,5	28,6	26,1	26,8	26,9
Người thân trong gia đình	14,7	12,6	13,4	9,1	10,5	12,4
Bạn bè	40,4	43,3	47,4	54,4	50,5	47,3
Không trò chuyện	19,9	15,5	8,8	7,6	7,9	10,9
N	136	522	979	329	190	2156
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Câu hỏi đặt ra ở đây là liệu thực trạng nêu trên về đối tượng trò chuyện khi vị thành niên có chuyện buồn có diễn ra như nhau ở các gia đình khác nhau? Kết quả phân tích tương quan hai biến cho thấy ở những gia đình mà cha mẹ có học vấn cao hơn thì tỷ lệ con cái tâm sự với cả cha và mẹ cao hơn. Mặc dù ở những gia đình này con cái cũng có xu hướng tâm sự với bạn bè nhiều hơn song tỷ lệ không trò chuyện thì giảm đáng kể, từ 19,9% ở nhóm cha mẹ mù chữ xuống 15,5% ở nhóm cha mẹ học cấp I, và 8,8% ở nhóm cha mẹ học cấp II và còn 7,9% ở nhóm cha mẹ có học vấn cao đẳng, đại học trở lên (Bảng 3). Các tương quan này đều có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,000$.

Tóm lại, khi có chuyện buồn cũng như khi có chuyện bất đồng với cha mẹ, con cái luôn chọn bạn để tâm sự. Điều này là dễ hiểu, vấn đề đặt ra là dường như nhiều bậc cha mẹ chưa đánh giá đầy đủ vai trò của bạn bè trong đời sống tình cảm của con. Trong khi đó, cha và mẹ có vai trò khác nhau. Người mẹ có vị trí quan trọng, chỉ sau bạn bè khi con có chuyện buồn. Tuy nhiên, người cha, do nhiều lý do, hầu như không được con cái lựa chọn. Em gái thường tâm sự với bạn bè về bất đồng với cha mẹ nhiều hơn em trai, còn em trai thường lựa chọn im lặng nhiều hơn em gái. Ở gia đình mà cha mẹ có học vấn cao hơn thì con cái có xu hướng tâm sự với cha mẹ

nhiều hơn và tỷ lệ không trò chuyện khi có chuyện buồn giảm đáng kể.

2. Cha mẹ và quan hệ bạn bè của con

Quan hệ bạn bè của con là một trong những điều mà cha mẹ đặc biệt quan tâm, có lẽ chỉ sau việc học tập. Có nhiều lý do để giải thích cho tâm lý này của cha mẹ. Một trong những lý do đó là ý thức của cha mẹ về những ảnh hưởng xấu/tốt của bạn bè đến con mình. Bên cạnh đó, những vấn đề gặp phải ở thanh niên và vị thành niên như nghiện hút, cờ bạc, chơi game... hầu hết được cho là do bạn bè rủ rê. Ngoài ra cũng cần kể đến tâm lý của vị thành niên muốn khẳng định mình qua nhóm bạn và đề cao/tuyệt đối hoá tình bạn/tình yêu. Tất cả những yếu tố này khiến nhiều bậc cha mẹ không chỉ quan tâm mà còn muốn kiểm soát, quyết định quan hệ bạn bè của con mình.

Có hai câu hỏi được sử dụng để phân tích ở phần này, (1) Trong 12 tháng qua, cha mẹ quyết định quan hệ bạn bè của bạn như thế nào? (2) Trong 12 tháng qua, bạn thường trò chuyện, tâm sự với ai nhất về chuyện yêu đương? Phân tích thông tin từ hai câu hỏi này cho phép trả lời: (1) cha mẹ tham gia quyết định chuyện bạn bè của con như thế nào? (2) ở những gia đình khác nhau thì việc quyết định chuyện bạn bè của con diễn ra khác nhau như thế nào? (3) cha mẹ có được con cái lựa chọn để tâm sự về chuyện yêu đương không và nếu được chọn thì họ ở vị trí nào so với những đối tượng khác? và (4) ở những gia đình khác nhau thì việc tâm sự của con

Bảng 4. Cha mẹ tham gia quyết định về quan hệ bạn bè theo thành thị, nông thôn (%)

	Thành thị	Nông thôn	Cả nước
Hoàn toàn do cha mẹ quyết định	1,5	1,2	1,2
Cha mẹ có hỏi ý kiến	13,2	8,8	9,7
Tôi quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ	18,6	15,2	15,9
Tôi quyết định hoàn toàn	66,7	74,8	73,1
N	478	1780	2258
Tổng	100,0	100,0	100,0

cái về chuyện yêu đương khác nhau như thế nào?

Kết quả phân tích số liệu cho thấy cha mẹ ở thành thị có xu hướng kiểm soát quan hệ bạn bè của con chặt chẽ hơn so với cha mẹ ở nông thôn. Có lẽ cũng vì vậy mà vị thành niên ở thành thị, mặc dù đa số vẫn tự quyết định quan hệ bạn bè của mình song với tỷ lệ thấp hơn so với những người đồng trang lứa ở nông thôn. Cụ thể, tỷ lệ cha mẹ quyết định có hỏi ý kiến con cái ở thành thị là 13,2%, còn ở nông thôn là 8,8%. Tỷ lệ con tự quyết định quan hệ bạn bè của mình ở thành thị là 66,7%, còn ở nông thôn là 74,8% (bảng 4). Vậy lý do khiến các bậc cha mẹ ở thành thị thấy cần phải giám sát quan hệ bạn bè của con mình chặt chẽ hơn so với các bậc cha mẹ ở nông thôn là gì? Phải chăng đó là những cảm dỗ đối với thanh niên ở thành thị bộc lộ rõ hơn trong khi mạng lưới giám sát cộng đồng lại hoạt động mờ nhạt hơn? Đáng chú ý là tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,003$.

Vậy việc quyết định của cha mẹ đối với quan hệ bạn bè của con ở những gia đình có mức sống khác nhau diễn ra như thế nào? Sự tham gia của cha mẹ trong tương quan với mức sống của gia đình cho thấy một số điểm đáng quan tâm. Mức sống của gia đình càng cao thì cha mẹ càng có

Bảng 5. Cha mẹ tham gia quyết định về quan hệ bạn bè theo mức sống của gia đình (%)

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hoàn toàn do cha mẹ quyết định	0,2	0,9	1,9	0,9	2,6	1,2
Cha mẹ có hỏi ý kiến	6,3	6,4	13,6	12,9	10,3	9,7
Tôi quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ	13,8	14,4	12,6	19,6	21,1	15,9
Tôi quyết định hoàn toàn	79,7	78,2	71,9	66,6	66,0	73,1
N	477	528	469	443	341	2258
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

xu hướng tham gia nhiều hơn vào việc quyết định quan hệ bạn bè của con. Tỷ lệ con cái tự quyết định quan hệ bạn bè của mình ở những gia đình này cũng giảm tương ứng. Cụ thể ở nhóm gia đình có mức sống thấp nhất, tỷ lệ cha mẹ quyết định quan hệ bạn bè của con (có hỏi ý kiến hoặc không) là 6,5%, thì ở nhóm gia đình có mức sống trung bình là 15,5% và ở nhóm gia đình có mức sống cao nhất là 12,9% (bảng 5). Tỷ lệ con cái hoàn toàn tự quyết định quan hệ bạn bè của mình giảm dần từ nhóm gia đình có mức sống thấp nhất là 79,7%, xuống nhóm gia đình có mức sống trung bình là 71,9% và ở nhóm gia đình có mức sống cao nhất là 66%. Tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê rõ rệt với giá trị $P=0,000$. Như vậy là mặc dù ở lứa tuổi vị thành niên lớn, ở 1/3 gia đình thuộc nhóm có mức sống cao nhất, các em không hoàn toàn tự mình quyết định quan hệ bạn bè của mình. Tuy nhiên, điều có ý nghĩa ở đây là tỷ lệ con cái quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ tăng lên cùng với mức sống gia đình. Có thể đây là dấu hiệu cho thấy có sự tin cậy và trao đổi giữa cha mẹ và con cái về một chủ đề khá nhạy cảm là quan hệ bạn bè của con.

Tương tự như với mức sống, việc quyết định của cha mẹ đối với quan hệ bạn bè của con cũng có quan hệ với học vấn của cha mẹ. Học vấn của cha mẹ càng cao thì càng có xu hướng tham gia quyết định quan hệ bạn

Bảng 6. Cha mẹ tham gia quyết định về quan hệ bạn bè theo học vấn của cha mẹ (%)

	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cao đẳng- Đại học	Chung
Hoàn toàn do cha mẹ quyết định	0,0	0,9	1,1	2,3	2,0	1,2
Cha mẹ có hỏi ý kiến	3,6	7,7	11,4	9,3	12,1	9,7
Tôi quyết định có hỏi ý kiến cha mẹ	14,3	12,6	15,7	18,9	22,1	15,9
Tôi quyết định hoàn toàn	82,1	78,9	71,8	69,5	63,8	73,1
N	140	549	1016	354	199	2258
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

bè của con và ngược lại. Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ, song xu hướng này thể hiện khá rõ. Cụ thể ở nhóm mù chữ, tỷ lệ cha mẹ quyết định quan hệ bạn bè của con (có hỏi ý kiến hoặc không) là 3,6% thì ở nhóm học vấn cấp I là 8,6%, cấp II là 12,5% và cao đẳng, đại học là 14,1% (bảng 6). Tỷ lệ con cái tự quyết định hoàn toàn quan hệ bạn bè của mình giảm xuống tương ứng. Tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,000$.

Như vậy là mặc dù con cái vẫn là người quyết định chính các mối quan hệ bạn bè của mình song cha mẹ vẫn tham gia nhất định vào việc này. Quyết định của cha mẹ thể hiện rõ hơn ở những gia đình ở thành thị, có mức sống cao hơn và cha mẹ có học vấn cao hơn.

Vậy liệu cha mẹ có được con cái tin tưởng để tâm sự chuyện yêu đương? Và họ đứng ở vị trí nào trong sự lựa chọn của con cái? Và liệu con gái có xu hướng tâm sự với cha mẹ nhiều hơn so với con trai? Kết quả phân tích số liệu cho thấy, nhìn chung, bạn bè là người mà con cái thường tâm sự, chiếm 63,4% người trả lời, tiếp theo là người thân trong gia đình 8,4%, rồi đến mẹ 7,7% và cuối cùng là cha với tỷ lệ rất thấp 1,3%. Con gái có xu hướng tâm sự mẹ nhiều hơn con trai, tỷ lệ tương ứng là 4% và 10,8% (bảng 7). Trong khi đó, con trai có xu hướng hoặc tâm sự với bạn nhiều hơn con gái, tỷ lệ tương ứng là 65,4% và 61,7% hoặc chọn cách im lặng, không trò chuyện, tỷ lệ tương ứng là 22,5% và 16,4%. Mặc dù chênh lệch

Bảng 7. Đối tượng mà vị thành niên thường tâm sự về việc yêu đương theo giới tính (%)

	Em trai	Em gái	Chung
Cha	2,0	0,6	1,3
Mẹ	4,0	10,8	7,7
Người thân trong gia đình	6,0	10,5	8,4
Bạn bè	65,4	61,7	63,4
Không trò chuyện	22,5	16,4	19,2
N	298	342	640
Tổng	100,0	100,0	100,0

không lớn song tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,001$. Nếu con gái chọn tâm sự với mẹ nhiều hơn và là điều thường thấy thì vì sao con trai lại ít tâm sự với cha? Và điều quan trọng hơn, vì sao chỉ có 8 (1,3%) trong tổng số 640 bạn trả lời câu hỏi này cho biết thường tâm sự với cha?

Xem xét đối tượng mà con cái tâm sự về việc yêu đương theo khu vực cư trú cho thấy tỷ lệ vị thành niên tâm sự với mẹ ở các gia đình thành thị cao hơn hẳn so với ở nông thôn, tỷ lệ tương ứng là 15,2% và 5,7% (bảng 8). Đáng chú ý là người cha ở thành thị không được bất cứ một trường hợp nào lựa chọn làm đối tượng tâm sự trong khi tỷ lệ này ở nông thôn là 1,6%. Có lẽ yếu tố thời gian là cản trở lớn đối với người cha ở thành thị song bên cạnh đó chắc họ còn thiếu những điều kiện khác nữa vì những người cha ở nông thôn hẳn cũng bận mải kiếm sống theo một cách nào đó. Liên quan đến bạn bè thì ở nông thôn bạn là đối tượng được lựa chọn để tâm sự nhiều hơn ở thành thị, tỷ lệ tương ứng là 58,3% và 64,8%. Tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,003$.

Con cái ở những gia đình có mức sống khác nhau cũng có sự lựa chọn khác nhau về người thường tâm sự về việc yêu đương. Đáng chú ý ở nhóm gia đình có mức sống càng cao thì người mẹ càng được con cái chọn tâm sự nhiều hơn và ngược lại. Cụ thể ở nhóm mức sống thấp nhất, tỷ lệ tâm sự với mẹ là 3,2%, các mức sống tiếp theo là 5,7%; 6,5%; 9,5% và ở nhóm

Bảng 8. Đối tượng mà vị thành niên thường tâm sự về việc yêu đương theo thành thị, nông thôn (%)

	Thành thị	Nông thôn	Cả nước
Cha	0,0	1,6	1,3
Mẹ	15,2	5,7	7,7
Người thân trong gia đình	9,8	8,1	8,4
Bạn bè	58,3	64,8	63,4
Không trò chuyện	16,7	19,9	19,2
N	132	508	640
Tổng	100,0	100,0	100,0

Bảng 9. Đối tượng mà vị thành niên thường tâm sự về việc yêu đương theo mức sống gia đình (%)

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Cha	0,6	2,1	2,9	0	0	1,3
Mẹ	3,2	5,7	6,5	9,5	17,8	7,7
Người thân trong gia đình	6,4	7,9	10,1	10,3	7,8	8,4
Bạn bè	67,3	65,7	68,1	63,8	45,6	63,4
Không trò chuyện	22,4	18,6	12,3	16,4	28,9	19,2
N	156	140	138	116	90	640
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

mức sống cao nhất là 17,8% (bảng 9). Vậy liệu có thể chờ đợi một xu hướng tương tự đối với người cha? Đáng tiếc là ở đây xu hướng lại ngược lại hoàn toàn. Dường như ở nhóm gia đình có mức sống thấp hơn, người cha mới là đối tượng thường được con cái tâm sự về việc yêu đương. Cụ thể, tỷ lệ này ở 3 nhóm mức sống thấp nhất tương ứng là 0,6%; 2,1% và 2,9%. Không một người cha nào ở 3 nhóm mức sống cao hơn được con cái lựa chọn. Cần lưu ý là tương quan hai biến ở đây có ý nghĩa thống kê với giá trị $P=0,001$.

Tóm lại, bạn bè vẫn là đối tượng chính để con cái thường tâm sự về chuyện yêu đương. Cha mẹ nói chung giữ vị trí khá khiêm tốn trong sự tin cậy của con. Người mẹ ở những gia đình thành thị, có mức sống cao hơn thường là người được con chọn để tâm sự. Ngược lại, người cha ở nông thôn và ở những gia đình có mức sống thấp hơn lại được con cái tin tưởng hơn, mặc dù với tỷ lệ rất thấp. Vậy lý do gì khiến cha mẹ nói chung, và đặc biệt là những người cha ít được con cái tin tưởng đến vậy? Đây có lẽ là một trong những điều mà chính sách truyền thông về gia đình cần thúc đẩy để cha mẹ có thể tăng tỷ lệ tin cậy trong con mắt của con, khi nói về chuyện yêu đương.

Tóm lại, khi có chuyện buồn cũng như khi có chuyện bất đồng với cha mẹ, con cái luôn chọn bạn để tâm sự. Cha và mẹ cũng được con cái lựa chọn song họ có vai trò khác nhau. Người mẹ có vị trí quan trọng, chỉ sau bạn bè khi con có chuyện buồn. Người cha, do nhiều lý do, hầu như không được con cái lựa chọn. Tương tự, bạn bè vẫn là đối tượng chính để con cái thường tâm sự về chuyện yêu đương. Cha mẹ nói chung chưa chiếm được vị trí xứng đáng trong sự tin cậy của con. Ở gia đình thành thị, có mức sống cao, người mẹ hơn thường là người được con chọn để tâm sự. Ngược lại, người cha ở nông thôn và ở những gia đình có mức sống thấp hơn lại được con cái tin tưởng hơn, mặc dù với tỷ lệ rất thấp.■

Tài liệu tham khảo

- Đặng Bích Thủy. 2006. Quyền trẻ em trong nghiên cứu và thực tiễn. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2 (16).
- Đỗ Hạnh Nga, 2006. Xung đột tâm lý giữa cha mẹ và con lứa tuổi học sinh THCS về nhu cầu học tập. Tạp chí Tâm lý học, số 5 (86).
- Hoàng Gia Trang, 2002. Mâu thuẫn gia đình và tự tử trong thanh thiếu niên nông thôn (*nghiên cứu trường hợp tại huyện Xuân Trường - Nam Định*). Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 3.
- Lê Ngọc Văn. 2003. Nghiên cứu Gia đình Việt Nam những vấn đề đặt ra hiện nay. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ số 1/2003.
- Mai Thị Việt Thắng. 2002. Vai trò, vị trí của người cha, người mẹ dưới con mắt của trẻ trong gia đình ly hôn. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 5.
- Nguyễn Hữu Minh. 2006. Gia đình với việc cung cấp thông tin về sức khỏe cho thanh niên và vị thành niên. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2, quyển 16.
- Phạm Thanh Vân. 1998. Quyền được chăm sóc giáo dục của trẻ em ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 2.
- Save the Children. Lao động trẻ em tại TP Hồ Chí Minh. Joachim Theis and Hoàng Thị Huyền.
- Trịnh Hoà Bình. 2005. Sự hiểu biết giữa gia đình và trẻ em về vấn đề quyền trẻ em hiện nay. Tạp chí Xã hội học số 4(92).